

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

1 Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

- Thông tin sản phẩm
- **Tên thương mại: AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)**
- **Mục đích sử dụng hóa chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng**
Không có thông tin liên quan.
- **Ứng dụng của hóa chất / hỗn hợp** Chất cô đặc
- **Thông tin chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu**
- **Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:**
SCHOMBURG GmbH
Aquafinstr. 2-8
D-32760 Detmold
Đức
- ĐT: ++49 (0)5231/953-00
Fax: ++49 (0)5231/953-123
email: info@schomburg.de
web: www.schomburg.de
- **Phòng thông tin:**
Phòng an toàn sản phẩm
- ĐT: ++49 (0)5231/953-193
Fax: ++49 (0)5231/953-106
email: guido.herfort@schomburg.de

2 Nhận biết nguy hiểm

- **Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp**
- **Phân loại theo Quy định (EC) số 1272/2008**



GHS05 ăn mòn

Eye Dam.1 H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.



GHS07

Skin Irrit. 2 H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens.1 H317 Có thể gây dị ứng da.

STOT SE 3 H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

- **Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC**



Xi; Kích ứng

R38-41: Gây kích ứng da. Có nguy cơ gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

- **Thông tin về các nguy hiểm cụ thể cho con người và môi trường:**

Không để sản phẩm rò rỉ vào hệ thống thoát nước, nguồn nước hoặc đất.

Sản phẩm phải được dán nhãn theo quy trình tính toán trong "Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các chế phẩm của liên minh Châu Âu (EU)", phiên bản hiện hành mới nhất.

Hệ thống phân loại:

Phân loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.

- **Thành phần nhãn**
- **Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008**
Sản phẩm được phân loại và dán nhãn theo quy định CLP.
- **Biểu tượng nguy hiểm** GHS05, GHS07
- **Từ báo hiệu** Nguy hiểm

(Xem tiếp ở trang 2)

Tên thương mại: AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)

(Tiếp theo trang 1)

- **Các thành phần cảnh báo nguy hiểm ghi trên nhãn:**
Xi măng, xi măng poclan, hóa chất
- **Cảnh báo nguy hiểm**
H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây dị ứng da.
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- **Biện pháp phòng ngừa**
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/bụi nước.
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/đeo thiết bị bảo vệ mắt/mặt nạ bảo vệ.
P305+P351+P338 **NẾU VÀO MẮT:** Rửa sạch bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và để dễ vệ sinh mắt. Tiếp tục rửa sạch.
P321 Đặc trị (xem trên nhãn này).
P405 Bảo quản tại khu vực được khóa an toàn.
P501 Tiêu hủy các thành phần/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
- **Các mối nguy hiểm khác**
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.

3 Thành phần/thông tin về các phụ liệu

- **Đặc tính hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả:** Sản phẩm gốc xi măng và bột khoáng.
- **Các thành phần nguy hiểm:**
CAS: 65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất 25-50%
EINECS: 266-043-4 ☒ Xi R37/38-41; ☒ Xi R43
☞ Eye Dam. 1, H318; ☞ Skin Irrit. 2, H315; Skin Sens. 1, H317;
STOT SE 3, H335
- **Thông tin bổ sung**
Hàm lượng cromat trong xi măng dưới 2 ppm nên không áp dụng đánh giá theo nhóm có liên quan số 43.
Xem phần diễn giải các cảnh báo nguy hiểm nêu trên ở Mục 16.

4 Các biện pháp sơ cứu y tế

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan**
Triệu chứng ngộ độc thậm chí có thể xuất hiện sau vài giờ; do đó, cần được bác sĩ theo dõi ít nhất 48 giờ sau khi xảy ra tai nạn.
Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
Có thể bị nghẹt thở trong trường hợp nôn mửa khi bất tỉnh.
Đưa nạn nhân bất tỉnh đến vị trí ổn định trong tư thế nằm nghiêng an toàn.
Giữ đường thở thông thoáng (gỡ răng giả và loại bỏ chất nôn).
Kiểm tra mạch. Trong trường hợp suy tim, phải xoa bóp tim. Trong trường hợp ngừng thở: tiến hành hô hấp nhân tạo.
Liên hệ bác sĩ điều trị ngay!
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch hay khí ôxy; liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa sạch ngay bằng nước và xà phòng và rửa thật kỹ.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Giữ mắt mở và rửa mắt liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy.
Hỏi ý kiến bác sĩ.
- **Sau khi nuốt phải**
Uống nhiều nước và hít thở không khí trong lành. Liên hệ bác sĩ điều trị ngay.
Cho bác sĩ xem bao bì hoặc nhãn sản phẩm.

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

Tên thương mại: **AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 2)

- **Thông tin dành cho bác sĩ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**
Không có thông tin liên quan.

5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.
Sản phẩm không dễ cháy.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).
- **Thông tin bổ sung**
Tiêu hủy/thải bỏ tàn tích cháy và nước chữa cháy đã nhiễm bẩn theo đúng các quy định chính thức.
Tuân thủ quy trình ứng phó khẩn.

6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**
Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Mặc quần áo bảo hộ.
Đưa nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm.
- **Bảo vệ môi trường:** Không để sản phẩm xâm nhập vào hệ thống thoát nước hoặc nguồn nước.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**
Đảm bảo thông gió đầy đủ.
Thu gom sản phẩm bằng máy chuyên dụng, tránh hình thành bụi.
- **Các mục tham khảo khác**
Xem Mục 7 để biết thêm thông tin về xử lý an toàn
Xem Mục 8 để biết thêm thông tin về thiết bị bảo hộ cá nhân.
Xem Mục 13 để biết thêm thông tin về tiêu hủy.

7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Biện pháp xử lý an toàn**
Đảm bảo thông gió tốt ở nơi làm việc.
Đề xa tầm tay trẻ em.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.
- **Điều kiện để cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cát giữ**
- **Yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:**
Tránh ẩm và nước.
Không bảo quản trong khu vực thông thường.
- **Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**
Vui lòng tuân thủ quy tắc của Giải pháp-Bảo quản-VCI đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện bảo quản:** Không có thông tin.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan.

8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**
Phải có điều kiện vệ sinh da tại nơi làm việc

(Xem tiếp ở trang 4)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

Tên thương mại: AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)

(Tiếp theo trang 3)

Phải luôn có sẵn dung dịch vệ sinh mắt tại khu vực làm việc.

· **Thông số kiểm soát**

· **Các thành phần có giá trị tới hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**

65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất (25-50%)

WEL Giá trị dài hạn: $10 \cdot 4^{**}$ mg/m³

*bụi có thể hít phải **bụi có thể hít phải

· **Thông tin bổ sung:**

Giá trị ngưỡng cần được giám sát tại nơi làm việc có hiệu lực đối với sản phẩm ở dạng bột.

Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.

· **Kiểm soát phơi nhiễm**

· **Thiết bị bảo hộ cá nhân**

· **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**

Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.

Đề xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn.

Cởi bỏ ngay quần áo bị nhiễm bẩn.

Không hít khí/khói/bụi khí.

Tránh tiếp xúc với mắt và da.

Không ăn, uống hay hút thuốc trong khi làm việc.

Sử dụng kem dưỡng để bảo vệ, phòng ngừa cho da.

Đảm bảo vệ sinh da sau khi làm việc và trước khi nghỉ.

· **Thiết bị thở:** Sử dụng thiết bị bảo hộ hô hấp khi có bụi.

· **Bảo vệ tay:**

Găng tay bông - cao su nitril - latec.

Khi lựa chọn chất liệu găng tay cần xem xét thời gian **thẩm của găng**, mức độ khuếch tán và phân hủy.

· **Chất liệu găng**

Việc lựa chọn găng tay phù hợp không chỉ phụ thuộc vào chất liệu, mà còn dựa trên các mục tiêu về chất lượng và thay đổi tùy theo nhà sản xuất. Vì là chế phẩm được làm từ vài hợp chất khác nhau nên độ bền của vật liệu làm găng không thể tính toán trước, và do đó phải được kiểm tra trước khi sử dụng.

· **Thời gian thẩm của vật liệu làm găng**

Thời gian mòn thủng chính xác của găng tay phải do Nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi.

· **Bảo vệ mắt:** Kính bảo hộ mắt kín chuyên dụng.

· **Bảo vệ cơ thể:** Phải giặt sạch quần áo bảo hộ bị nhiễm bẩn trước khi sử dụng lại.

9 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

· **Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản**

· **Tổng quan**

· **Tính chất vật lý:**

Dạng: Bột

Màu sắc: Xám

· **Mùi:** Nhẹ, đặc trưng

· **Thay đổi trong điều kiện**

Điểm tan chảy/ Phạm vi tan chảy: Không xác định

Điểm sôi/ Phạm vi sôi: Không xác định

· **Điểm bùng cháy:** Không áp dụng

· **Khả năng tự cháy:** Sản phẩm không tự cháy.

· **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không gây nổ.

· **Tỷ trọng** Không xác định

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

Tên thương mại: **AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 4)

Độ hòa tan/ Khả năng hòa lẫn trong

- Nước:** tan trong nước
· **Thông tin khác** Không có thông tin liên quan.

10 Độ ổn định và Hoạt tính

- **Hoạt tính**
- **Độ ổn định hóa học**
- **Phân hủy do nhiệt / điều kiện cần tránh:**
Không phân hủy nếu được sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.
- **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến
- **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.
- **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Không có sản phẩm phân hủy nguy hiểm nào được biết đến.

11 Thông tin về độc tính

- **Thông tin về các ảnh hưởng độc hại**
- **Độc cấp tính:**
- **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:** Không có thông tin.
- **Ảnh hưởng kích ứng chính:**
- **trên da:** Gây kích ứng da và màng nhầy.
- **trên mắt:** Gây kích ứng mạnh có nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.
- **Mẫn cảm:** Không gây mẫn cảm.
- **Thông tin bổ sung về độc tính:**
Theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC, phiên bản hiện hành mới nhất, sản phẩm có những mối nguy hiểm sau:
Gây kích ứng
Gây mẫn cảm

12 Thông tin sinh thái

- **Độc tính**
- **Độc tính thủy sinh:** Không có thông tin liên quan.
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
- **Diễn biến trong các hệ môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
- **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
- **Thông tin sinh thái bổ sung:**
- **Lưu ý chung:** Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
Kết quả thẩm định PBT và vPvB
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.
- **Các ảnh hưởng có hại khác** Không có thông tin liên quan.

13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**
Không được tiêu hủy chung với rác thải sinh hoạt. Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước.
- **Danh mục chất thải Châu Âu**
17 00 00: RÁC THẢI XÂY DỰNG (GỒM ĐẤT ĐƯỢC ĐÀO Ở CÁC KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM)
17 01 00: bê tông, gạch, ngói và gốm sứ

(Xem tiếp ở trang 6)

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

Tên thương mại: AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)

(Tiếp theo trang 5)

17 01 07: hỗn hợp bê tông, gạch, ngói và gốm sứ ngoài những chất thải được đề cập trong 17 01 06 (3) Với mục đích của mục này, các kim loại chuyển tiếp gồm scandi, vanadi, mangan, coban, đồng, yttrium, niobi, hafni, vonfram, titan, crom, sắt, niken, kẽm, zirconi, molybden và tantali. Các kim loại này hoặc hợp chất của chúng có đặc tính nguy hiểm nếu được phân loại là các chất nguy hiểm. Việc phân loại các chất nguy hiểm phải xác định loại kim loại chuyển tiếp và hợp chất kim loại chuyển tiếp nào có đặc tính nguy hiểm. 16.2.2001 L47/25 Tạp chí chính thức của Cộng đồng Châu Âu EN

- **Bao bì chưa làm sạch:**
- **Khuyến nghị:** Phải tiêu hủy theo đúng các quy định chính thức.
- **Chất tẩy rửa khuyến nghị:** Nước, sử dụng thêm chất tẩy rửa nếu cần thiết.

14 Thông tin về vận chuyển

- | | |
|--|--------------------|
| · Mã LHQ (UN) | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ | |
| · ADR | Không có thông tin |
| · ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | |
| · Phân loại | Không có thông tin |
| · Nhóm đóng gói | |
| · ADR, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Nguy hiểm cho môi trường: | |
| · Ô nhiễm biển: | Không |
| · Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và Quy tắc IBC | Không áp dụng. |
| · “Quy định mẫu” của LHQ: | - |

15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với hóa chất hoặc hỗn hợp
- Các quy định quốc gia
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**
Gây nguy hiểm cho nước nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
Phân loại theo hướng dẫn của Đức.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất

16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự đảm bảo cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và sẽ không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Nhóm/Cụm từ liên quan**
- H315 Gây kích ứng da.
- H317 Có thể gây dị ứng da.
- H318 Gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.
- H335 Gây kích ứng đường hô hấp.
- R37/38 Gây kích ứng hệ hô hấp và da.

Ngày in: 26.05.2014

Phiên bản 1

Ngày hiệu chỉnh: 25.02.2011

Tên thương mại: **AQUAFIN-TC 07 (A-Komp.)**

(Tiếp theo trang 6)

R41 Nguy cơ gây hại nghiêm trọng cho mắt.
R43 Gây mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.

· **Phòng phát hành phiếu dữ liệu kỹ thuật:** Phòng bảo vệ môi trường.

· **Người liên hệ:** Ông Guido Herfort

· **Các cụm từ viết tắt:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy định vận Tải Đường Bộ Châu Âu đối với Hàng Hóa Nguy Hiểm)

IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm

IATA: Hiệp Hội Vận Tải Hàng Không Quốc Tế

GHS: Hệ Thống Hải Hòa Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất

EINECS: Danh Mục Các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu

ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Khai Báo Của Châu Âu

CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp Hội hóa Chất Hoa Kỳ)

LC50: Nồng độ gây tử vong, 50%

LD50: Liều lượng gây tử vong, 50%

Skin Irrit. 2: Ăn mòn/kích ứng da, Phân loại nguy hiểm nhóm 2

Eye Dam. 1: Gây nguy hại nghiêm trọng cho mắt/kích ứng mắt, Phân loại nguy hiểm nhóm 1

Skin Sens.1: Mẫn cảm - Da, Phân loại nguy hiểm nhóm 1

STOT SE 3: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn, Phân loại nguy hiểm nhóm 3

· *** Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB